

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

23/04/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	351755	Nguyễn Thị Thuý	3517	8	28	30	30	83	495	410	905	10.0
2	351148	Phan Thành Long	3511	10	23	23	23	66	430	310	740	10.0
3	350666	Nguyễn Huy Hoàng	3506	10	24	11	13	44	300	175	475	8.5
4	350563	Nguyễn Hà My	3505	7	10	15	12	53	210	230	440	
5	351528	Nguyễn Thị Thu Hằng	3515	8	19	11	10	26	240	65	305	
6	360949	Bùi Phương Anh	3609	7	28	21	20	61	410	280	690	10.0
7	360156	Nguyễn Thị Khánh Huyền	3601	10	15	14	11	70	250	335	585	10.0
8	360966	Nguyễn Thái Vinh	3609	6	18	15	17	52	290	225	515	9.0
9	362122	Dương Thị Thuỷ	3621	7	11	17	15	44	250	175	425	
10	360467	Lương Quy Trung	3604	5	15	13	10	50	200	215	415	
11	360765	Nguyễn Thị Nam	3607	9	13	11	10	50	200	215	415	
12	361614	Trần Thị Ngọc Hoa	3616	4	18	10	6	43	175	170	345	
13	361854	Phạm Thị Minh Phượng	3618	1	12	12	8	43	145	170	315	
14	361138	Lê Thị Thu Hằng	3611	3	12	11	6	20	140	30	170	
15	360967	Trần Văn Lượng	3609	6	6	5	11	23	120	45	165	
16	361065	Nguyễn Hà My	3610	2	6	8	8	23	95	45	140	
17	360807	Nguyễn Đức Anh	3608									
18	371439	Ngô Thị Quỳnh Anh	3714	8	24	23	23	88	425	435	860	10.0
19	371174	Nguyễn Mai Trang	3711	9	21	21	25	74	410	360	770	10.0
20	370872	Phạm Thị Hà My	3708	9	26	19	18	74	390	360	750	10.0
21	371370	Vũ Hồng Vân	3713	8	23	23	16	74	380	360	740	10.0
22	372423	Trần Quang Anh	3724	9	26	22	19	68	410	325	735	10.0
23	371374	Nguyễn Thu Hà	3713	8	18	19	16	83	320	410	730	10.0
24	371320	Trần Đức Mạnh	3713	8	19	24	16	74	360	360	720	10.0
25	372633	Nguyễn Khánh Linh	3726	8	28	15	20	70	385	335	720	10.0
26	372565	Tạ Thị Nga	3725	10	14	19	14	82	295	405	700	10.0
27	371347	Bùi Thị Phương	3713	7	19	29	24	58	430	260	690	10.0
28	370130	Đỗ Tuấn Anh	3701	10	14	15	13	85	260	420	680	10.0
29	372865	Nguyễn Thị Thu	3728	10	28	24	27	46	490	190	680	10.0
30	372616	Đặng Thị Mỹ Hạnh	3726	9	21	20	16	61	350	280	630	10.0
31	372334	Ngô Hà Vinh	3723	6	21	19	16	61	325	280	605	10.0
32	371076	Nguyễn Ngọc Đức	3710	3	24	20	17	58	340	260	600	10.0
33	372714	Vũ Mai Quỳnh	3727	10	14	25	11	62	315	285	600	10.0
34	371541	Phạm Trần Tuấn Linh	3715	8	16	18	12	67	275	320	595	10.0
35	370943	Trần Thị Ngọc Hoàn	3709	7	20	12	16	66	280	310	590	10.0
36	371358	Doãn Thị Thu Hằng	3713	10	24	14	11	61	310	280	590	10.0
37	372540	Đào Ngọc Bích	3725	9	16	17	19	60	320	270	590	10.0
38	371066	Hoàng Thị Lan	3710	8	25	14	13	60	315	270	585	10.0
39	370552	Nguyễn Thị Hoài Thương	3705	9	25	14	26	45	400	180	580	10.0
40	372657	Nguyễn Trung Toàn	3726	4	15	14	15	71	240	340	580	10.0
41	371377	Phùng Ngọc Vinh	3713	7	23	18	15	55	330	240	570	9.5
42	371721	Trần Thị Yến	3717	8	15	14	19	60	290	270	560	9.5
43	370173	Nguyễn Thị Thu Hưởng	3701	5	14	12	13	68	210	325	535	9.5
44	370845	Nguyễn Thị Minh Hà	3708	4	20	17	11	60	260	270	530	9.0
45	371664	Đỗ Thế Viết	3716	8	21	17	13	50	310	215	525	9.0
46	372814	Mai Thị Thanh Lan	3728	6	14	13	23	53	290	230	520	9.0
47	372703	Trần Thị Vân Anh	3727	7	20	15	9	57	255	255	510	9.0
48	372709	Nguyễn Mai Linh	3727	7	16	7	21	57	255	255	510	9.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

23/04/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	372337	Hoàng Bích Phương	3723	8	15	13	15	55	255	240	495	8.5
50	371461	Phan Thị Huyền	3714	8	10	15	6	66	180	310	490	8.5
51	372431	Trương Thị Hương Ly	3724	7	23	14	13	47	295	195	490	8.5
52	371926	Đinh Trọng Hải	3719	6	21	12	15	49	275	210	485	8.5
53	372312	Hoàng Mạnh Sơn	3723	7	24	15	13	44	310	175	485	8.5
54	371310	Trần Thị Hải Yến	3713	10	12	15	15	50	260	215	475	8.5
55	372426	Nguyễn Thị Ngọc Yến	3724	4	10	15	13	59	195	265	460	8.0
56	371575	Trần Mỹ Hạnh	3715	6	24	17	13	38	315	140	455	8.0
57	372502	Hoàng Thị Tâm	3725	7	21	14	12	45	275	180	455	8.0
58	372662	Đinh Anh Tuấn	3726	8	15	16	12	46	255	190	445	
59	372742	Hồ Thị Hồng Hạnh	3727	8	17	14	15	43	275	170	445	
60	370657	Nguyễn Phương Thảo	3706	8	17	27	13	31	345	95	440	
61	370230	Lương Thị Anh Thư	3702	7	17	10	9	54	200	235	435	
62	370238	Nguyễn Thị Kim Dung	3702	6	21	13	13	42	270	165	435	
63	372405	Phan Việt Dũng	3724	6	19	17	14	39	290	145	435	
64	372639	Tạ Thị An	3726	9	16	11	8	52	210	225	435	
65	372738	Phạm Thuỳ Linh	3727	6	17	11	14	46	240	190	430	
66	370177	Huỳnh Phương Minh	3701	10	17	13	12	41	260	160	420	
67	370354	Nguyễn Thị Hưởng	3703	4	15	11	13	51	200	220	420	
68	370410	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	3704	6	18	15	17	36	290	125	415	
69	370478	Phạm Ngọc Huyền	3704	5	17	12	15	43	245	170	415	
70	372702	Hoàng Hữu Khuê	3727	7	13	11	26	35	295	120	415	
71	370836	Vũ Diệu Hoa	3708	6	18	11	12	44	230	175	405	
72	372446	Phạm Thị Thanh Như	3724	7	13	13	9	49	195	210	405	
73	370456	Bùi Thanh Trà	3704	4	12	13	12	49	190	210	400	
74	372330	Lê Hưng Tứ	3723	8	15	7	16	43	220	170	390	
75	372746	Lê Thị Khánh Huyền	3727	5	15	13	11	45	210	180	390	
76	371048	Nguyễn Thị Phương	3710	4	13	12	16	42	215	165	380	
77	372740	Nguyễn Thị Mai Phương	3727	5	17	12	13	39	230	145	375	
78	370263	Phạm Quang Thảo	3702	4	13	11	13	43	190	170	360	
79	370301	Hoàng Đắc Thắng	3703	2	15	15	17	34	245	115	360	
80	370446	Bùi Thúy Quỳnh	3704	6	10	8	8	51	140	220	360	
81	371637	Vương Quốc Cường	3716		13	15	11	45	180	180	360	
82	372817	Trần Thị Trang	3728	4	18	11	11	38	210	140	350	
83	371462	Vũ Thị Bích Liên	3714	6	14	8	14	39	195	145	340	
84	370909	Bùi Thị Nhung	3709	10	12	12	11	35	215	120	335	
85	372447	Lê Thị Tuyến	3724	4	10	6	12	46	140	190	330	
86	371549	Bùi Thị Thảo	3715	3	11	10	12	40	165	150	315	
87	372345	Đinh Hoàng Mai	3723	4	13	12	8	39	170	145	315	
88	372353	Vũ Thị Lan Anh	3723	4	30	9	5	27	240	70	310	
89	371043	Lê Thị Hồng Loan	3710	7	14	12	9	33	195	110	305	
90	372363	Dương Thu Trang	3723	5	12	12	8	34	170	115	285	
91	372821	Lê Lệnh Tú	3728	5	16	13	8	30	195	90	285	
92	371434	Nguyễn Tuấn Hải	3714					61		280	280	
93	372830	Lê Trang Nhung	3728	5	10	10	9	37	150	130	280	
94	371833	Trần Thu Trang	3718	4	11	8	14	31	170	95	265	
95	372736	Nguyễn Quỳnh Nga	3727	5	10	11	11	30	170	90	260	
96	372847	Nguyễn Huy Phương	3728	5	13	12	10	27	185	70	255	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

23/04/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	372711	Hà Vĩnh Đức	3727	4	12	11	11	26	175	65	240	
98	370112	Nguyễn Văn Linh	3701	3	9	11	12	25	160	60	220	
99	370437	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3704	5	10	8	8	29	135	85	220	
100	372701	Nguyễn Thị Bích Nguyên	3727	2	12	10	12	23	165	45	210	
101	372744	Ngô Văn Minh	3727	6	9	13	12	19	185	25	210	
102	372350	Nguyễn Hồng Huệ	3723	2	7	4	8	36	80	125	205	
103	372436	Trần Thị Việt Nga	3724		12	21	4		170		170	
104	372445	Nguyễn Thị Cách	3724	6	16		5	10	115	5	120	
105	370411	Nguyễn Văn Kết	3704									
106	370971	Lê Mai Khanh	3709									
107	371218	Thái Thùy Linh	3712									
108	372610	Nguyễn Thị Nhung	3726									
109	382548	Vương Mạc Khải	3825	6	25	25	24	81	440	400	840	10.0
110	380357	Vương Hoàng Mai	3803	6	25	22	18	82	385	405	790	10.0
111	380813	Lê Khánh Huyền	3808	8	18	17	18	68	320	325	645	10.0
112	382051	Hà Phương Đông	3820	10	19	23	11	66	330	310	640	10.0
113	382515	Nguyễn Hồng Quân	3825	7	16	16	15	75	275	365	640	10.0
114	381355	Phạm Việt Trinh	3813	6	18	18	19	59	320	265	585	10.0
115	382867	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	3828	9	15	13	15	68	260	325	585	10.0
116	382530	Trần Thị Phương Anh	3825	7	22	21	9	59	310	265	575	10.0
117	381538	Nguyễn Thành Đạt	3815	6	13	17	18	62	275	285	560	9.5
118	381345	Phạm Thị Trang	3813	5	18	16	18	50	295	215	510	9.0
119	380309	Nguyễn Thu Hương	3803	6	19	15	11	52	255	225	480	8.5
120	380832	Lê Thị ánh Dương	3808	1	18	17	8	57	210	255	465	8.0
121	381347	Hoàng Thị Hạnh	3813	5	9	9	20	54	200	235	435	
122	380636	Nguyễn Thị Hà	3806	7	9	16	15	46	230	190	420	
123	381066	Nguyễn Hữu Trọng	3810	5	15	16	10	46	220	190	410	
124	382640	Nguyễn Thị Thu Trang	3826	3	10	11	13	49	170	210	380	
125	382671	Phạm Thị Hiền	3826	7	20	11	12	35	250	120	370	
126	382631	Nguyễn Thị Minh Hạnh	3826	4	11	12	8	34	160	115	275	
127	381040	Trần Minh Phương	3810	3	12	10	6	37	135	130	265	
128	391161	Nguyễn Thị Thanh Hà	3911	10	21	25	20	80	410	395	805	10.0
129	392350	Lã Hà Linh	3923	10	25	18	21	74	400	360	760	10.0
130	392731	Đào Phạm Việt Mỹ	3927	8	25	22	12	68	360	325	685	10.0
131	392353	Bùi Thị Thu	3923	6	20	16	19	67	320	320	640	10.0
132	391155	Trần Thị Minh Anh	3911	8	22	19	17	54	350	235	585	10.0
133	392634	Dương Thảo Nguyên	3926	8	18	18	11	53	280	230	510	9.0

Hà Nội, Ngày tháng năm 2016

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU